

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2019

“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà C và ông K*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huệ;

2. Ông Nguyễn Công Tụ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1970

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Â, xã Â, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ở:
Thôn X, xã Â, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Â, xã Â, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bà C, vắng mặt ông K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn K tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện Q vào ngày 20/12/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông K. Cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 10/1989 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K đánh đập, hành hạ bà, ngoài ra ông K còn có tư tưởng trọng nam, khinh nữ, đã nhiều lần vợ chồng ly thân nhưng vì thương con bà lại chung sống với ông K. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 7/2019, bà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn X, xã A sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai hỏi han quan T gì đến ai. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn, bà xin ly hôn ông K.

Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị T sinh ngày 05/9/1989 và Nguyễn Trường S sinh ngày 30/12/2003, hiện đang ở với ông K. Ly hôn, con T đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng, bà để ông K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trường S, việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng do ông K không yêu cầu bà cấp dưỡng cho con bà cũng đồng ý vì hiện tại thu nhập của bà không ổn định, ngoài làm ruộng bà không còn thu nhập nào khác. Hiện tại, bà không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như bà Nguyễn Thị C đã trình bày. Theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, từ năm 2004 đến nay bà C đã nhiều lần bỏ đi nhưng sau đó lại quay về, từ tháng 7/2019 bà C đã bỏ đi và không quay trở về nhà ông nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay bà C có đơn xin ly hôn, ông muốn bà C suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu bà C một mực xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà C đã trình bày, ly hôn con Nguyễn Thị T sinh ngày 05/9/1989 đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, con Nguyễn Trường S sinh ngày 30/12/2003, hiện đang ở với ông. Ly hôn, ông tôn trọng ý kiến của con S, nếu con S ở với ông, ông nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con S, ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn Á và Thôn X, xã Á, huyện Q thấy: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết đã nhiều lần bà C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sau đó lại quay về sinh sống với bố con ông K. Nay bà C có đơn ly hôn ông K cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung bà C, ông K có 02 con chung là Nguyễn Thị T sinh ngày 05/9/1989 và Nguyễn Trường S sinh ngày 30/12/2003, từ ngày bà C bỏ đi cháu S vẫn đang ở với ông K, ông K chăm sóc con rất chu đáo. Nếu Tòa án giải quyết cho bà C và ông K ly hôn về con chung và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung cơ sở thôn không rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật của bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51,56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn K. Giao con chung Nguyễn Trường S sinh ngày 30/12/2003 cho ông Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con. Bà C có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung; về tài sản chung không đặt ra giải quyết; về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn K. Do ông K là bị đơn, cư trú tại thôn Á, xã Á huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Á, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn số 44 ngày 20/12/1988 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông K. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thương yêu thông cảm cho nhau, bà C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ rất nhiều lần, lần gần đây nhất vào tháng 7/2019 vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, bà C xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn, bà xin ly hôn ông K,

còn ông K không muốn ly hôn, ông muốn bà C suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu bà C một mực xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông K vắng mặt điều đó chứng tỏ ông K không có thiện chí giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án ông K và bà C vẫn ly thân. Như vậy, hôn nhân của ông, bà thực tế chỉ tồn tại về mặt hình thức, ông, bà không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân của ông, bà không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu bà C, xử cho bà C được ly hôn ông K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Thị T sinh ngày 05/9/1989 và Nguyễn Trường S sinh ngày 30/12/2003. Ly hôn, con T đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Bà C để ông K trực tiếp nuôi dưỡng con S, còn ông K tôn trọng ý kiến của con chung, nếu con chung ở với ông ông cũng nhất trí. Cháu S đang ở với ông K và có nguyện vọng được ở với ông K, cũng từ ngày bà C bỏ đi ông K chăm sóc con chung rất chu đáo, hơn nữa cháu S giới tính nam lại đang ở độ tuổi phát triển về T sinh lý rất cần sự quan T chăm sóc đặc biệt của người cha nên để không ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của con chung cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao con chung cho ông Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, tại bản tự khai bà C có ý kiến việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng do ông K không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con, bà C cũng đồng ý vì hiện tại thu nhập của bà C không ổn định, ngoài làm ruộng bà C không có thu nhập khác. Như vậy, cần giao con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con. Bà Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ trông nom, giáo dục con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Trường S sinh ngày 30/12/2003 cho ông Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K không yêu cầu bà Nguyễn Thị C cấp dưỡng cho con. Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004101 ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, h. Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)